BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3704/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 968
ĐẾN Ngày: 28-3-16
Chuyển: VT-CVP

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2016 cho các Cửa khẩu quốc tế đường bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 14/2011/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ hai về dự toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2015/QH13 ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ mười về phân bổ ngân sách trung ương năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2016 cho các Cửa khẩu quốc tế đường bộ trực thuộc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi có các Cửa khẩu quốc tế đường bộ được giao dự toán thu ngân sách năm 2016 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Vụ NSNN;
- Lưu VT, TCHQ (48).

BỘ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU NSNN CÁC CỬA KHẨU QUỐC TẾ ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 304 /QĐ-BTC ngày 24 /02/2016 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Cửa khẩu quốc tế	Tổng số	Trong đó				
			Thuế XK	Thuế NK	Thuế TTĐB	Thuế BVMT	Thuế GTGT
1	Bắc Luân	512 000	6	72 180	805	20	438 989
2	Hữu Nghị	6 120 000	4 200	1 673 200	2 820		4 439 780
3	Lào Cai	725 000	66 260	183 400			475 340
4	Tây Trang	23 100	288	995			21 817
5	Na Mèo	6 320		430			5 890
6	Nậm Cắn	89 700	38	47			89 615
7	Cầu Treo	175 100	1 930	2 790	1 110		169 270
8	Lao Bảo	266 600	1	1 430	1 435		263 734
9	La Lay	142 800		136			142 664
10	Lệ Thanh	21 250					21 250
11	Bờ Y	278 400	291	10 130			267 979
12	Mộc Bài	35 500	235	14 100	2 715	6	18 444
13	Xa Mát	134 850		3 730	770		130 350
14	Hoa Lư	7 500	7	2 770			4 723
15	Tịnh Biên	20 850	19	12 600	302	22	7 907
16	Hà Tiên	680		17			663
17	Bình Hiệp	1 450		1 450			
18	Dinh Bà	21 430	610	17 450			3 370
19	Cha Lo	129 300	11 200	8 200			109 900
20	Thanh Thủy	187 000	10 800	9 200			167 000